

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 19/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 19/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 19/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 25-NQ/TU), nhận thức rõ thực trạng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải tỉnh Tiền Giang; nắm vững mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết để triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả.

2. Yêu cầu

a) Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết số 25-NQ/TU phù hợp với thực tiễn trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện Nghị quyết phải bám sát với việc tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các quy hoạch giao thông vận tải vùng, quốc gia và các nghị quyết, quyết định, quy định, kế hoạch, chương trình hành động khác của tỉnh về phát triển ngành giao thông vận tải;

b) Xác định rõ nhiệm vụ cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị, tạo chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong công tác phát triển giao thông vận tải của tỉnh; định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TU.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển toàn diện hệ thống giao thông vận tải cả về số lượng, chất lượng, quy mô đầu tư công trình; xây dựng hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại trở thành động lực quan trọng để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao năng lực vận tải, chất lượng dịch vụ vận tải, từng bước chuyển đổi phương tiện theo hướng sử dụng năng lượng xanh, sạch thân thiện với môi trường. Đầu tư hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ với một số công trình có quy

mô lớn, có sức lan tỏa, tạo không gian, động lực phát triển cho nhiều lĩnh vực, phát triển đô thị, bảo đảm cho phát triển nhanh và bền vững; xây dựng mới các tuyến đường trục chính phải dành đủ quỹ đất để phát triển các khu đô thị mới, khu thương mại dịch vụ và vùng sản xuất tập trung.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tích cực phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành liên quan triển khai các dự án trọng điểm, có tính chất liên kết vùng như: mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận theo quy hoạch, tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ đoạn qua địa bàn tỉnh; đưa vào khai thác các tuyến cao tốc, quốc lộ và tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa phận tỉnh; nâng cấp các tuyến đường tỉnh đang quản lý thành quốc lộ thêm khoảng 70 km;

b) Ưu tiên đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và mở rộng các tuyến đường tỉnh với kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng để nâng cao năng lực vận tải. Sớm đưa vào khai thác đường dọc sông Tiền (ĐT.864), Đường tỉnh 877C. Chú trọng phát triển các tuyến đường vành đai, trục hướng tâm, hệ thống đường giao thông đô thị phù hợp với quy hoạch phát triển không gian, kiến trúc đô thị, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, liên thông với mạng lưới giao thông vận tải của tỉnh;

c) Nâng cấp và xây dựng mới một số cảng đầu mối, bến hàng hóa và hành khách ở khu bến Mỹ Tho trên sông Tiền đến Vàm Kỳ Hôn, khu bến Gò Công trên sông Soài Rạp đến cửa biển và sông Vàm Cỏ;

d) Cơ bản hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, nông thôn; tăng cường công tác bảo trì; kịp thời xóa các điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông;

đ) Phát triển phương tiện vận tải chất lượng cao, từng bước chuyển đổi phương tiện theo hướng xanh, sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường;

e) Phân đấu mỗi năm có ít nhất một công trình giao thông được triển khai thực hiện thông qua hình thức mời gọi nhà đầu tư, hoặc đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.

Phấn đấu đến năm 2030:

g) Xây dựng mới ít nhất 55 km đường tỉnh và mở rộng đạt quy mô theo quy hoạch ít nhất 60 km đường tỉnh; xây dựng mới mặt đường bê tông nhựa nóng đạt 50% chiều dài hệ thống đường tỉnh để nâng cao chất lượng khai thác; xây mới hoặc nâng cấp 100% số cầu, đảm bảo đồng bộ quy mô, tải trọng với đường trên hệ thống đường tỉnh.

h) Khởi công xây dựng cảng biển tổng hợp trên sông Soài Rạp. Hình thành ít nhất một trung tâm logistics cấp tỉnh.

i) Khối lượng vận tải hàng hóa vận chuyển tăng bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt 11,16%/năm; khối lượng vận tải hành khách tăng bình quân giai đoạn đạt 7,58%/năm.

Phấn đấu đến năm 2050:

k) Hình thành đầy đủ bốn trung tâm logistics theo quy hoạch.

l) 100% hệ thống đường tỉnh có mặt đường bê tông nhựa nóng.

m) Xây dựng mới hoặc nâng cấp 100% số cầu đảm bảo đồng bộ quy mô, tải trọng trên hệ thống đường bộ địa phương.

n) Đưa vào khai thác tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng đoạn qua tỉnh Tiền Giang.

o) Xây dựng thêm cảng biển tổng hợp trên sông Tiền.

p) Khối lượng vận tải hàng hóa tăng bình quân 5,81%/năm giai đoạn 2031 - 2050; khối lượng vận tải hành khách tăng bình quân 4,85%/năm giai đoạn 2031 - 2050.

q) 100% xe buýt, xe taxi sử dụng điện, năng lượng xanh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thống nhất về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội đối với công tác phát triển giao thông vận tải

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân nhận thức sâu sắc, đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển giao thông vận tải đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm về việc tổ chức thực hiện phát triển giao thông vận tải thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương; xem nhiệm vụ hỗ trợ và phát triển giao thông vận tải là trọng tâm, thường xuyên đề tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả thiết thực.

b) Tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, thường xuyên rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính liên quan đến các cơ quan, nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân; kịp thời tháo gỡ khó khăn, góp phần đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án ngành giao thông vận tải.

2. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông

a) Về lĩnh vực đường bộ

Tích cực phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh liên quan để triển khai tốt các dự án trọng điểm, có tính chất liên kết vùng để đến năm 2030 đưa vào khai thác đoạn cao tốc Cao Lãnh - An Hữu; hoàn thành dự án tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Tiền Giang; đầu tư dự án mở rộng tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận; khởi công

Trục giao thông đô thị Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang (QL.50B); nâng cấp quản lý ba tuyến đường địa phương thành quốc lộ (QL.30B, QL.30C, QL.62). Ưu tiên mọi nguồn lực để xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ, xây dựng các tuyến đường trục chính, đường vành đai để phát triển giao thông đô thị, các công trình có quy mô đầu tư lớn, tính chất kết nối liên vùng, kết nối trung tâm kinh tế, trong đó tập trung xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác các công trình trọng điểm như: Đường dọc sông Tiền (ĐT.864), Đường vào Đồng Tháp Mười, Đường tỉnh 877C song hành với Quốc lộ 50, xây dựng cầu Đồng Sơn kết nối tỉnh Long An, nâng cấp bến phà Bình Ninh qua huyện Tân Phú Đông.

b) Về lĩnh vực đường thủy

Khai thác tối đa lợi thế giao thông đường thủy nội địa để xây dựng và phát triển hệ thống cảng chuyên dùng, cảng đầu mối, bến hàng hóa và hành khách ở khu bến Mỹ Tho trên sông Tiền đến Vàm Kỳ Hôn, khu bến Gò Công trên sông Soài Rạp đến cửa biển và sông Vàm Cỏ; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức, lấy đường thủy là trọng tâm. Xây dựng cảng biển tổng hợp trên sông Soài Rạp.

c) Về lĩnh vực đường sắt

Chủ động, sẵn sàng phối hợp với các bộ, ngành Trung ương sớm đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ đoạn qua tỉnh Tiền Giang; đồng thời, khai thác tối đa tiềm năng của quỹ đất dọc theo tuyến đường sắt để phát triển đô thị, lấy giao thông công cộng làm trung tâm theo hướng mô hình TOD.

d) Về việc quản lý, sử dụng công trình

Đẩy mạnh thực hiện chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý chuyên ngành. Bố trí đủ nguồn vốn ngân sách cho công tác quản lý, bảo trì công trình giao thông, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới để nâng cao và duy trì chất lượng khai thác; kịp thời xóa các điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông.

3. Phát triển vận tải

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý vận tải. Phối hợp tốt với Thành phố Hồ Chí Minh sớm đưa vào khai thác bến phà Cần Giò - Vàm Láng. Nghiên cứu, phối hợp ngành du lịch khai thác tuyến vận tải hành khách trên sông Tiền, sông Bảo Định phục vụ nhu cầu tham quan của người dân và du khách;

b) Tăng cường các hoạt động quản lý phương tiện vận tải hành khách công cộng như ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và khai thác vận tải, đầu tư nâng cấp các bến xe khách và đẩy mạnh hoạt động mời gọi đầu tư khai thác các tuyến xe buýt, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, xe taxi;

c) Đẩy mạnh thực hiện chuyên đổi số, chuyển đổi xanh trong lĩnh vực vận

tải để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi cơ sở hạ tầng tại bến, cảng, nhà ga và phương tiện theo hướng xanh, sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường. Phấn đấu đến năm 2050, 100% phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chuyển đổi sang sử dụng điện, năng lượng xanh và toàn bộ các phương tiện, bến xe, trạm dừng nghỉ đạt tiêu chí xanh theo lộ trình của Chính phủ về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải;

d) Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi thu hút doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực cơ khí phục vụ ngành đóng và sửa chữa tàu thuyền trên sông Soài Rạp và sông Tiền. Từng bước nâng cấp cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu đóng mới các loại tàu biển, tàu sông pha biển, phương tiện thủy nội địa có trọng tải lớn hơn; đặc biệt, khuyến khích đầu tư công nghệ lắp ráp và chế tạo các loại tàu chất lượng cao như du thuyền và tàu cao tốc để phát triển lợi thế du lịch sông nước.

4. Kịp thời ban hành các cơ chế, chính sách

a) Bên cạnh việc ưu tiên nguồn lực từ ngân sách Nhà nước bố trí đủ, kịp thời thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, các cấp chính quyền huy động mọi nguồn lực xã hội nhằm phát triển giao thông vận tải của tỉnh đạt được mục tiêu đã đề ra;

b) Rà soát, tham mưu đề xuất xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù trong điều kiện của tỉnh để giảm áp lực vốn ngân sách xây dựng công trình giao thông bằng cách bố trí vốn ngân sách thực hiện công tác đền bù, hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất hai bên đường tại vị trí phù hợp phát triển đô thị, khu dịch vụ thương mại, khu sản xuất tập trung và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đảm bảo theo quy định;

c) Đề nghị các cấp ủy, chính quyền nhất là người đứng đầu cần tích cực, chủ động hơn nữa mời gọi các nhà đầu tư quan tâm thực hiện các công trình xã hội hóa.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này. Kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật, bổ sung nội dung cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông

- Chủ trì, tham mưu kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương sớm xem xét triển khai thực hiện đầu tư xây dựng và hoàn thành các dự án trọng điểm, có tính chất liên kết vùng do Bộ Giao thông vận tải quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển mạng lưới giao thông tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Tiền Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến

năm 2050, đảm bảo quy hoạch mạng lưới giao thông có tính liên kết vùng, kết nối giữa các tuyến cao tốc, quốc lộ với các tuyến đường giao thông địa phương.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, các giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2050 và kế hoạch đầu tư hàng năm.

- Phối hợp với các sở, ngành tỉnh liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã nghiên cứu, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, giải pháp huy động nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch.

c) Về phát triển vận tải

- Chủ trì, tham mưu kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương sớm đưa vào khai thác tuyến vận tải thủy sử dụng năng lượng xanh qua sông Tiền.

- Xây dựng đề án mời gọi các nhà đầu tư thực hiện khai thác các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt chất lượng cao; từng bước chuyển đổi phương tiện sang sử dụng điện, nhiên liệu sạch theo đúng lộ trình quy định.

- Tham mưu ban hành cơ chế chính sách có liên quan đến phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh; cơ chế chính sách hỗ trợ, phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bảo đảm theo quy định.

- Tăng cường vai trò quản lý nhà nước trong hoạt động vận tải, đảm bảo trật tự, kỷ cương; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các đơn vị vận tải, có tính cạnh tranh cao, bình đẳng nhằm thúc đẩy vận tải phát triển.

- Tăng cường ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ số vào hoạt động kinh doanh vận tải.

- Tăng cường kết nối hoạt động vận tải với các tỉnh, thành phố; đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh và vùng đồng bằng sông Cửu Long nhằm tạo điều kiện thuận lợi để vận chuyển, lưu thông hàng hóa, hành khách bảo đảm thông suốt giữa các tỉnh, thành phố.

- Yêu cầu các đơn vị vận tải thực hiện đúng các quy định pháp luật về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải; chủ động nghiên cứu thị trường để đầu tư đổi mới, nâng cấp phương tiện. Phát triển hợp lý về số lượng và chủng loại phương tiện vận tải theo hướng hiện đại, tiện nghi, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, chủ động phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh thực hiện tốt công tác mời gọi đầu tư qua hình thức mời gọi Nhà đầu tư hoặc hình thức đối tác công - tư;

b) Phối hợp với các sở, ngành tham mưu cấp thẩm quyền ban hành các chính sách để hỗ trợ phát triển các cơ sở đóng tàu trên sông Soài Rạp và sông Tiền;

c) Phối hợp với các sở, ngành tham mưu cấp thẩm quyền tập trung nguồn lực từ ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội để bố trí thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông nhằm kết nối giao thông giữa các khu vực trên địa bàn tỉnh, phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa ngày càng tăng của người dân, đảm bảo an toàn giao thông trong khu vực và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

3. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở cân đối nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ và nguồn ngân sách địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn duy tu, sửa chữa thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp Sở Giao thông vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn sự nghiệp để đầu tư khẩn cấp xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông;

c) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn, điều chỉnh vốn đầu tư xây dựng công trình giao thông trên địa bàn từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và địa phương thực hiện tốt công tác quy hoạch làm cơ sở mời gọi nhà đầu tư;

b) Đề xuất cơ chế, quy trình rút gọn thực hiện công trình khẩn cấp xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông để kịp thời đảm bảo tính mạng cho người tham gia giao thông.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải, các sở, ngành và địa phương thực hiện tốt công tác thỏa thuận quy mô đầu tư, bàn giao mặt bằng thi công đối với phạm vi quản lý thuộc lĩnh vực ngành phụ trách;

b) Chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định quy mô, hình thức đầu tư công trình thủy lợi, đề lường dựng công năng giao thông - thủy lợi.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp các ngành, địa phương rà soát, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân đối với các hộ hiến đất, nhận đền bù theo quy định;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát chỉ tiêu sử dụng đất giao thông, kiểm tra, giám sát, đối chiếu việc đầu tư các công trình giao thông phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt. Kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt kế hoạch sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp

huyện trình thẩm định. Tham mưu cấp thẩm quyền quy định thu hồi đất làm cơ sở mời gọi nhà đầu tư, thực hiện công trình giao thông;

c) Tham mưu công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo trình tự, thủ tục tại Điều 87 Luật Đất đai 2024 và các quy định có liên quan.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải, các sở, ngành và địa phương tham mưu chỉ đạo khai thác tuyến vận tải hành khách trên sông Tiền, rạch Bảo Định phục vụ nhu cầu tham quan, du lịch của người dân;

b) Chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải đề xuất công trình giao thông vừa phục vụ vận chuyển, lưu thông hàng hóa, hành khách vừa phục vụ phát triển du lịch địa phương.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo đồng thuận xã hội, các ngành, các cấp trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TU và Kế hoạch này;

b) Chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải, các sở, ngành và địa phương tham mưu thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý chuyên ngành Giao thông vận tải.

9. Thường trực Ban An toàn giao thông tỉnh

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, các địa phương thực hiện khảo sát hiện trường các điểm nguy cơ mất an toàn giao thông, điểm đen trên địa bàn tỉnh, đề xuất xử lý kịp thời.

10. Các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành trực thuộc tỉnh

a) Thực hiện tốt công tác xây dựng công trình giao thông đảm bảo chất lượng, tiến độ đề ra;

b) Thực hiện khẩn trương, đúng quy định công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư được giao.

11. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

a) Chỉ đạo các hợp tác xã, thành viên hợp tác xã đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trong lĩnh vực vận tải để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững;

b) Hỗ trợ các hợp tác xã, thành viên hợp tác xã phát triển các cơ sở đóng tàu trên sông Soài Rạp và sông Tiền. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý vận tải.

12. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh

Ưu tiên nguồn vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch theo quy định;

b) Tổ chức tuyên truyền quán triệt, phổ biến về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân;

c) Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tại địa phương đảm bảo thiết thực, hiệu quả;

d) Tích cực, trách nhiệm đẩy nhanh thực hiện các công trình giao thông tại địa phương, đặc biệt là thực hiện tốt công tác đền bù, hỗ trợ và tái định cư.

14. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh

a) Tổ chức tuyên truyền quán triệt, phổ biến về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ trong Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động;

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

15. Chế độ thông tin, báo cáo

a) Báo cáo kết quả hằng năm: các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã báo cáo kết quả gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp trước ngày **15/11** hằng năm;

b) Sở Giao thông vận tải tham mưu UBND tỉnh, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện trước ngày **15/12** hằng năm;

c) Báo cáo sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết: thực hiện theo hướng dẫn của Tỉnh ủy.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo về Sở Giao thông vận tải tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Đính kèm Danh mục công trình ưu tiên đầu tư đến năm 2030. *muen*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyễn. *lamy*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

PHỤ LỤC
Danh mục công trình ưu tiên đầu tư đến năm 2030

TT	Tên dự án công trình	Thời gian	Mức độ ưu tiên đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
I	Đường bộ			31.315,935	
a)	Công trình đang thực hiện			10.268,925	
1	Đoạn tuyến cao tốc CT.36 (An Hữu - Cao Lãnh)	2023 - 2030		3.855,509	Ngân sách nhà nước
2	ĐT.864 (Đường dọc sông Tiền)	2022 - 2027		2.295	Ngân sách nhà nước
3	Nâng cấp mở rộng các ĐT.861, 863, 869 (kết nối Tiền Giang và Đồng Tháp)	2023 - 2026		249,363	Ngân sách nhà nước
4	Đường giao thông hai bên bờ sông Bảo Định, thành phố Mỹ Tho	2022 - 2027		1.999,995	Ngân sách nhà nước
5	Cầu Tân Phong, huyện Cai Lậy	2024 - 2026		239,119	Ngân sách nhà nước
6	Đường giao thông phục vụ phát triển Công nghiệp phía Đông	2023 - 2025		182,838	Ngân sách nhà nước
7	ĐT.871C (đoạn qua thành phố Gò Công, đường Nguyễn Thìn)	2024 - 2025		35,438	Ngân sách nhà nước
8	ĐT.877 (đoạn qua thành phố Gò Công)	2024 - 2025		44,326	Ngân sách nhà nước
9	Đường phát triển vùng Đồng Tháp Mười (giai đoạn 1)	2024 - 2027		955,337	Ngân sách nhà nước
10	Nâng cấp, mở rộng ĐT.879C	2024-2026		60	Ngân sách nhà nước
11	Cầu qua kênh Nguyễn Văn Tiếp trên ĐH. 65 (ĐT.868B quy hoạch)	2024-2026		120	Ngân sách nhà nước
12	Đường tỉnh 877B đoạn ngã ba Cây Đông đến đầu Cồn Ngang	2024 - 2027		232	Ngân sách nhà nước



TT	Tên dự án công trình	Thời gian	Mức độ ưu tiên đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
b)	Công trình khởi công mới			21.047,01	
1	ĐT.877C	2024 - 2030	Ưu tiên	3.550	Ngân sách nhà nước
2	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa phận tỉnh Tiền Giang kết nối với tỉnh Long An và tỉnh Bến Tre (giai đoạn 1)	2025 - 2030	Ưu tiên	5.591	Ngân sách nhà nước
3	Trục giao thông đô thị thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang đoạn qua tỉnh Tiền Giang (Quốc lộ 50B)	2025 - 2030	Ưu tiên	2.100	Ngân sách nhà nước
4	Đường Vành đai - Tuyến tránh Quốc lộ 50 đoạn qua trung tâm thành phố Mỹ Tho	2025 - 2030	Ưu tiên	1.677	Ngân sách nhà nước
5	Đường Vành đai - Tuyến tránh Quốc lộ 50 đoạn qua trung tâm thành phố Gò Công	2025 - 2030	Ưu tiên	1.166	Ngân sách nhà nước
6	Đường tỉnh 862B (trục đô thị biển)	2025 - 2030	Ưu tiên	505	Ngân sách nhà nước
8	Đường kết nối đô thị thị trấn Vĩnh Bình và Long Bình	2025 - 2030	Ưu tiên	289	Ngân sách nhà nước
9	Thảm bê tông nhựa nóng các tuyến đường tỉnh: ĐT.862, ĐT.864, ĐT.870B...	2025 - 2030	Ưu tiên	500	Ngân sách nhà nước
12	Nâng cấp mở rộng ĐT.871C	2025 - 2030	Ưu tiên	150	Ngân sách nhà nước
13	Nâng cấp, mở rộng ĐT.879 đoạn từ cầu Bến Tranh đến ranh tỉnh Long An	2025 - 2030	Ưu tiên	150	Ngân sách nhà nước
14	Nâng cấp cầu yếu trên các tuyến đường tỉnh: ĐT.866B, ĐT.871C, ĐT.874, ĐT.875B, ĐT.877B, ĐT.879...	2025-2030	Ưu tiên	650	Ngân sách nhà nước
15	Cầu kết nối ĐT.861 và ĐT.863	2025-2030	Ưu tiên	185	Ngân sách nhà nước

TT	Tên dự án công trình	Thời gian	Mức độ ưu tiên đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
16	Cầu Công Đập trên ĐT.873B	2025 - 2030	Ưu tiên	75	Ngân sách nhà nước
18	Cầu Ba Rài trên Đường huyện 67	2025 - 2030	Ưu tiên	120	Ngân sách nhà nước
19	Đường Hùng Vương nối dài	2025 - 2030	Ưu tiên	750	Ngân sách nhà nước và doanh nghiệp
20	Đường tỉnh 870B (từ vòng xoay Chùa Phước Lâm đến Quốc lộ 1)	2025 - 2030	Ưu tiên	857	Ngân sách nhà nước và doanh nghiệp
22	Nâng cấp QL.30B (đoạn qua tỉnh Tiền Giang)	2025 - 2030		450	Ngân sách nhà nước
26	Nâng cấp Đường huyện 35 đoạn qua huyện Cai Lậy	2025 - 2030		180	Ngân sách nhà nước
27	Đường lộ Dây thép (đoạn thị xã Cai Lậy)	2028-2031		151	Ngân sách nhà nước
31	Mở rộng Đường tỉnh 878 (giai đoạn 2, từ đường dẫn cao tốc đến ĐT.865)	2025 - 2030		560	Ngân sách nhà nước
32	Đường tỉnh 867 nối dài (đoạn Tràm Mù - Bắc Đông)	2025 - 2027		44,322	Ngân sách nhà nước
33	Đường tỉnh 872B nối dài (đường vào khu dân cư xã Phú Thạnh)	2028-2031		155	Ngân sách nhà nước
34	Đường tỉnh 878 (nối dài)	2026 - 2028		40	Ngân sách nhà nước
35	Cầu Trần Hưng Đạo (qua sông Bảo Định)	2025 - 2028		80	Ngân sách nhà nước
36	Đường huyện 58B (đường Võ Việt Tân)	2028-2031		289,688	Ngân sách nhà nước

TT	Tên dự án công trình	Thời gian	Mức độ ưu tiên đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
37	Tuyến đường kết nối với Đường huyện 35 (đoạn từ Nguyễn Thị Thập QL60 đến ĐT.870B - đường Phạm Hùng)	2028-2031		527	Ngân sách nhà nước
38	Nâng cấp, mở rộng đường và cầu kết nối Đường tỉnh 873B với Đường tỉnh 873	2028-2031		155	Ngân sách nhà nước
39	Lắp đặt đèn tín hiệu giao thông và đèn chiếu sáng trên hệ thống đường tỉnh, đường huyện	2026 - 2028		100	Ngân sách nhà nước
II	Đường biển			9.300	
1	Cảng biển tổng hợp huyện Gò Công Đông	2025-2030	Ưu tiên	1.500	Ngân sách nhà nước và doanh nghiệp
2	Đầu tư nạo vét luồng Soài Rạp	2025-2030		500	Ngân sách nhà nước và doanh nghiệp
3	Đầu tư nạo vét tuyến luồng hàng hải sông Tiền cho tàu 5.000 DWT	2025-2030		300	Ngân sách nhà nước và doanh nghiệp
4	Khu bến cảng Soài Rạp	2025-2030		7.000	Ngân sách nhà nước và doanh nghiệp
III	Vận tải và Logistics			1.339,6	
1	Trung tâm Logistics huyện Gò Công Đông (15 ha)	2025-2030	Ưu tiên	350	Ngân sách nhà nước và doanh nghiệp
2	Trung tâm Logistics huyện Tân Phước (20 ha)	2025-2030	Ưu tiên	400	Ngân sách nhà nước



TT	Tên dự án công trình	Thời gian	Mức độ ưu tiên đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
					và doanh nghiệp
3	Trung tâm Logistics huyện Cái Bè (30 ha)	2025-2030		550	Ngân sách nhà nước và doanh nghiệp
4	Bến xe huyện Tân Phước (3 ha)	2025-2030		39,6	Ngân sách nhà nước và doanh nghiệp